

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trịnh Phương Anh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN KHO VẬN AB PLUS**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trịnh Phương Anh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trịnh Phương Anh

Mã SV: 1312401160

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN AB PLUS

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: : Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 6 tháng 7 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty với số liệu năm 2016 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ): 9,75 (chín phẩy bảy lăm điểm)

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.	4
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.1.4. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:.....	7
1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	8
1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:.....	11
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:	14
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:	16
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán	16
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:	17
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	17
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	20
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	22
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:	22
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:.....	22
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán:	23
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	26
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	26

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	26
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán:.....	27
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và Chi phí khác.	29
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:.....	29
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:.....	29
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:.....	30
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.2.6.1: Chứng từ sử dụng.....	33
1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:.....	33
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:.....	35
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	36
1.3.1. Hình thức nhật ký chung	36
1.3.2: Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	37
1.3.3. Hình thức nhật ký chứng từ.....	38
1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	39
1.3.5. Hình thức kế toán máy	40
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP KHO VẬN AB PLUS	41
2.1. Khái quát chung về Công ty CP Kho vận AB Plus.....	41
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty và đặc điểm sản xuất kinh doanh.	41
2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty CP Kho vận AB Plus.....	42
2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty CP kho vận AB Plus.....	43
2.1.4 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty CP kho vận AB Plus.....	44
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty CP Kho vận AB Plus.	45
2.1.5.1 Bộ máy kế toán tại Công ty.....	45
2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	46
2.1.5.3 Hình thức sổ sách kế toán	47
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Kho vận AB Plus.....	48
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	48
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	55
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	60

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	60
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	60
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	65
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	65
2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh.....	71
CHƯƠNG3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP KHO VẬN AB PLUS.....	77
3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Nhược điểm.....	78
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.....	79
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi	79
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.	80
KẾT LUẬN	89

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các doanh nghiệp, việc tiêu thụ hàng hóa, phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh là vấn đề rất quan trọng. Sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường là làm thế nào để sản phẩm hàng hoá của mình tiêu thụ được trên thị trường và được thị trường chấp nhận đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi.

Bên cạnh việc tổ chức kế hoạch tiêu thụ hàng hoá một cách hợp lý. Để biết được doanh nghiệp làm ăn có lãi không phải nhờ đến kế toán phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có một vai trò rất quan trọng. Kế toán phân tích doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một trong những thành phần chủ yếu của kế toán doanh nghiệp về những thông tin kinh tế một cách nhanh nhất và có độ tin cậy cao, nhất là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn cạnh tranh quyết liệt mỗi doanh nghiệp đều tận dụng hết những năng lực sẵn có nhằm tăng lợi nhuận củng cố mở rộng thị phần của mình trên thị trường.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của **Công ty CP Kho vận AB Plus**, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện. Vì vậy nhờ sự chỉ dẫn, giúp đỡ của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Đồng Thị Nga, em quyết định đi sâu nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus”** để viết khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.

Dù rất cố gắng nhưng do thời gian còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quát còn hạn chế nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô và các cán bộ kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1.**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần...

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn cần thiết đối với các đối tượng quản lý khác như các nhà đầu tư, ngân hàng, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế.

+ Với doanh nghiệp các thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

+ Với các nhà đầu tư đó là cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, đầu tư từ đó đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Với các trung gian tài chính, ngân hàng thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định vay vốn đầu tư.

+ Với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có cái nhìn tổng quan nhất về sự phát triển của nền kinh tế.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.

* Khái niệm:

- Doanh thu: Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

* Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm,

hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu bán hàng nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

+ Lãi tỷ giá hối đoái

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

+ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

- Thu nhập khác: Là các khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

+ Thu về nhượng bán thanh lý tài sản

+ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng

+ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường

+ Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ

+ Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng

+ Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

* Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không hạch toán vào tài khoản 521 , doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

* Giảm giá hàng bán:

Là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng .

* Hàng bán bị trả lại:

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng , số lượng hàng bị trả lại, giá trị

hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần).

* Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Thuế TTĐB: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

- Thuế XK: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế GTGT trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị gia tăng của} & & \text{Doanh số hàng hóa,} & & \text{Giá vốn hàng hóa,} \\ \text{hàng hóa dịch vụ} & = & \text{dịch vụ bán ra} & - & \text{dịch vụ bán ra} \end{array}$$

1.1.4. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

* Khái niệm: Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì: Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

* Phân loại chi phí:

- Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp,

các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- Chi phí tài chính: là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

- Chi phí khác: Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như:

- + Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản
- + Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác .

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Được biểu hiện bằng tiền phân chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

Trong đó

$$\begin{array}{rcl} \text{Doanh thu thuần về} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản} \\ \text{bán hàng và cung cấp} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{giảm trừ} \\ \text{dịch vụ} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{doanh thu} \end{array}$$

* Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

* Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Phải xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Người bán đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ chuẩn mực kế toán cũng quy định doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* Phải nắm vững cách thức xác định doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi xuất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa thuế giá trị gia tăng

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán bao gồm thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

+ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng

+ Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 511 - “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

Tài khoản này gồm 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- TK 5118 : Doanh thu khác

Nợ	511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 		<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

* **TK 521 - “Các khoản giảm trừ doanh thu”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại.
- TK 5212: Giảm giá hàng bán.
- TK 5213: Hàng bán bị trả lại.

Nợ	521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán 		<p>Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo</p>
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

*** TK 333 - “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

Tài khoản này gồm 9 tài khoản cấp 2 trong đó để theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau:

- TK 3331 “ Thuế GTGT ”
- TK 3332 “ Thuế tiêu thụ đặc biệt ”
- TK 3333 “ Thuế xuất, nhập khẩu ”

Nợ	333	Có
		SDĐK
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
		SDCK

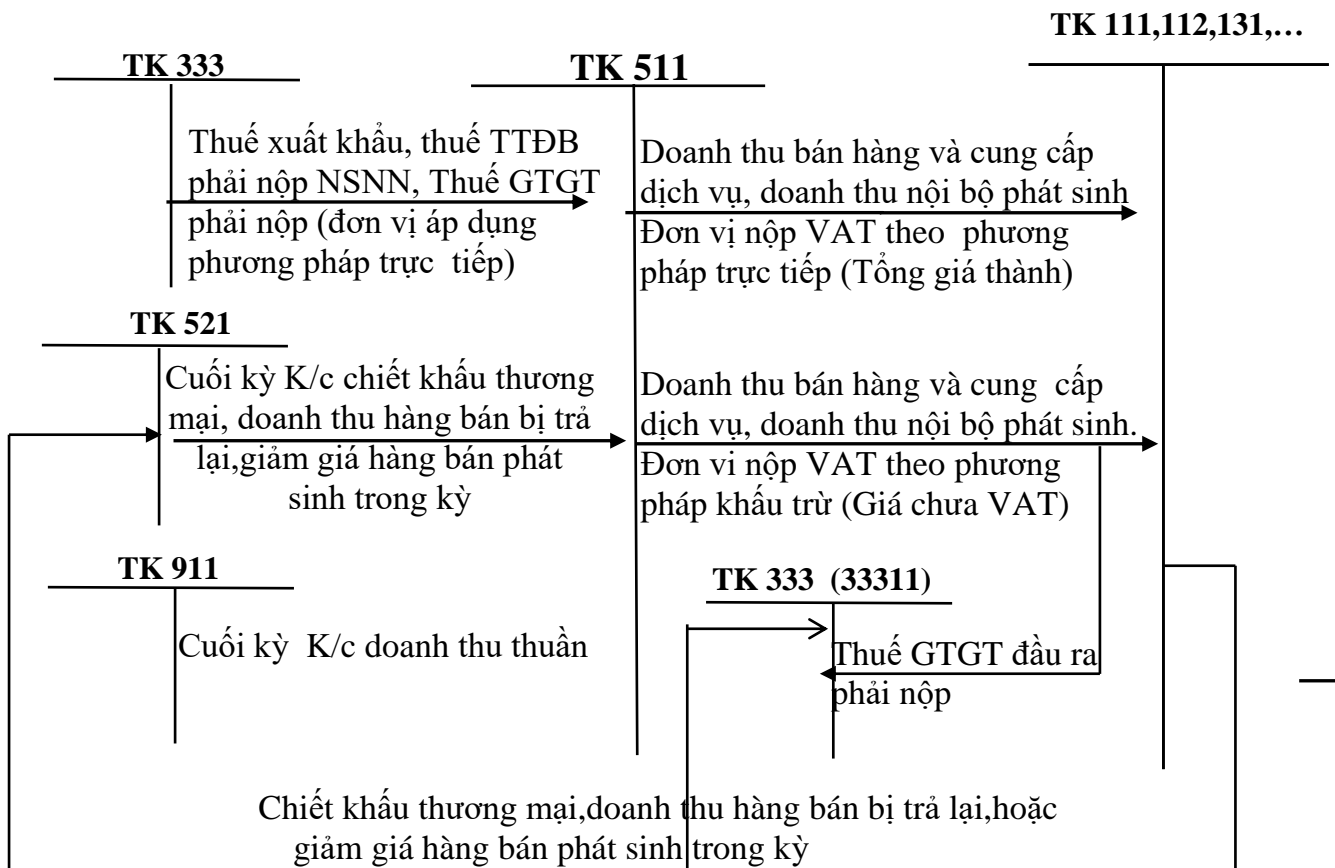
- Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ

(nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

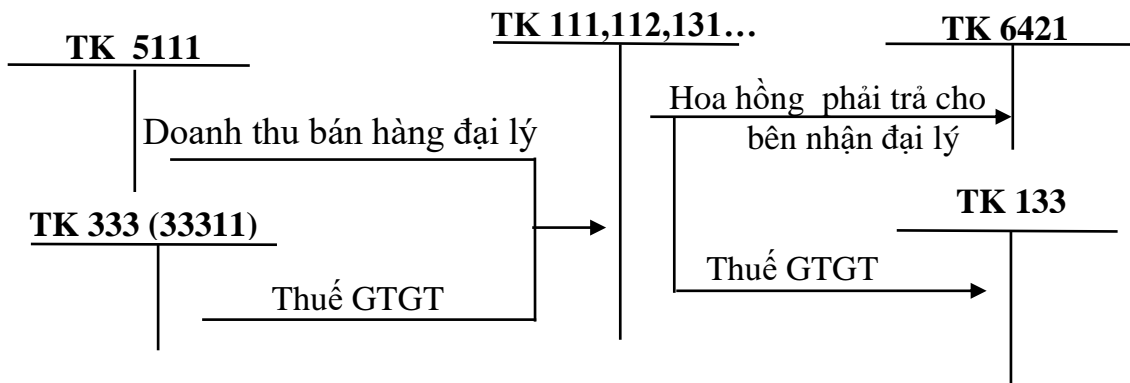
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán:

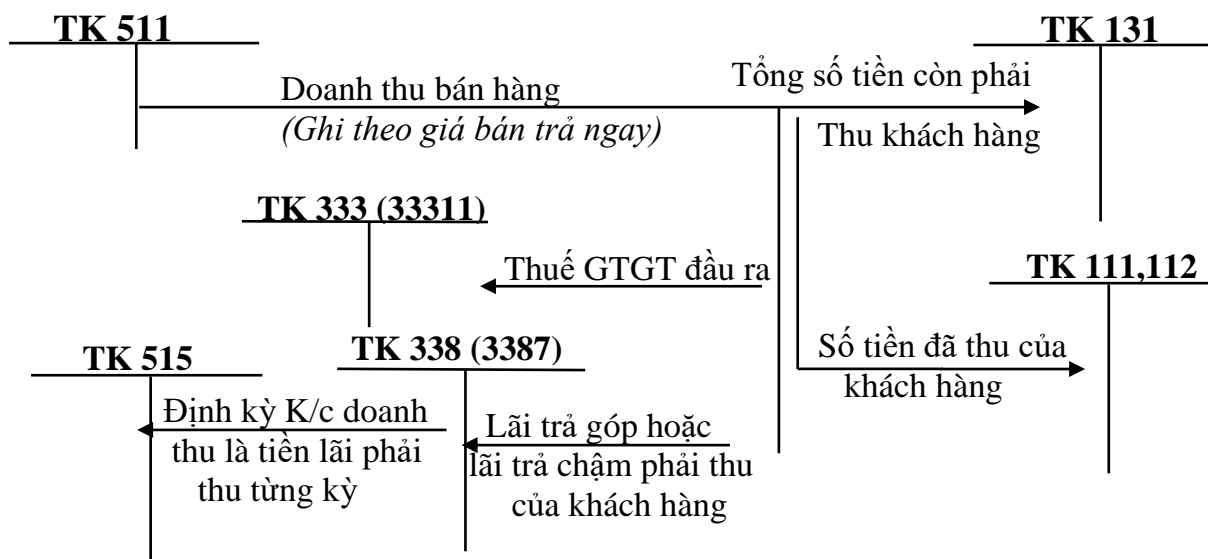
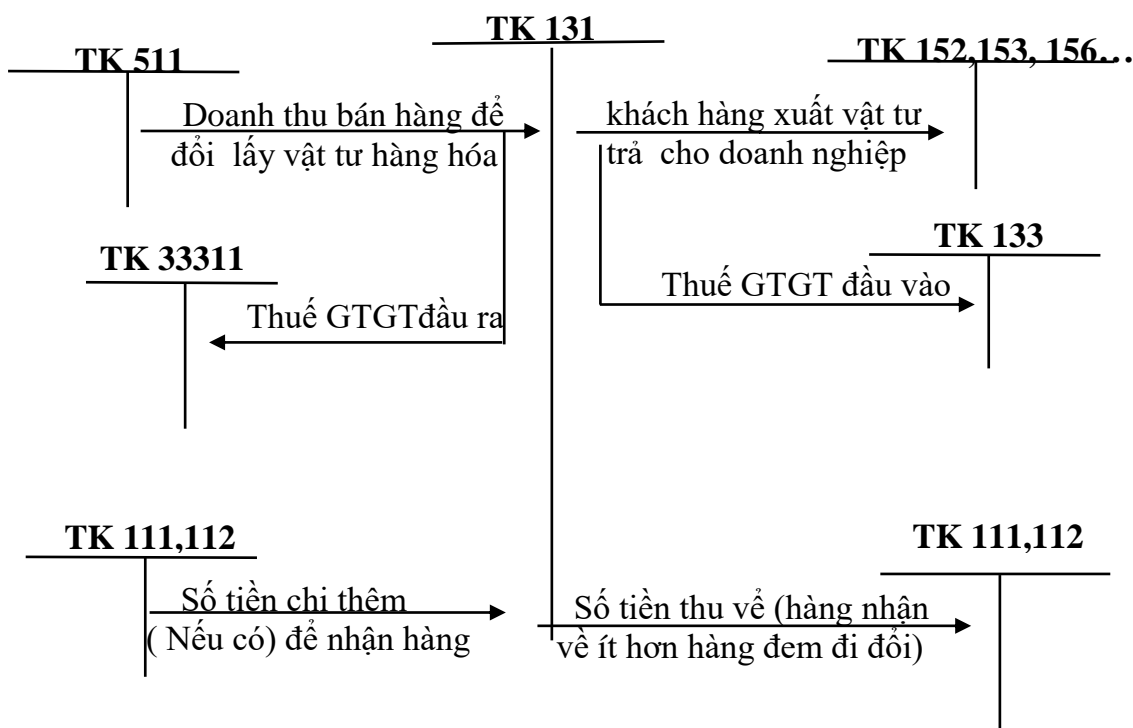
- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.2. Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp**Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:**1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

Muốn xác định đúng kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng dẫn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng. Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh:** được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

- **Theo phương pháp bình quân gia quyền:** giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP,HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP,HH nhập trong kỳ}}$$

- **Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:** Phương pháp này khắc phục được những hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần nên phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho có lưu lượng nhập xuất ít.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng

nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):** áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 – GTGT – 322)
- Các chứng từ thanh toán liên quan

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 “ Giá thành sản xuất”**

* **Tài khoản 632 - “ Giá vốn hàng bán”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....

- Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	632	Có
<p><i>Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:</i></p> <p>Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;</p> <p>Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ</p> <p>Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p><i>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:</i></p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</p>	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;</p> <p>- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).</p> <p>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</p> <p>- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.</p>	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

- Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại: Kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 – “Mua hàng”. Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

Nợ	611	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

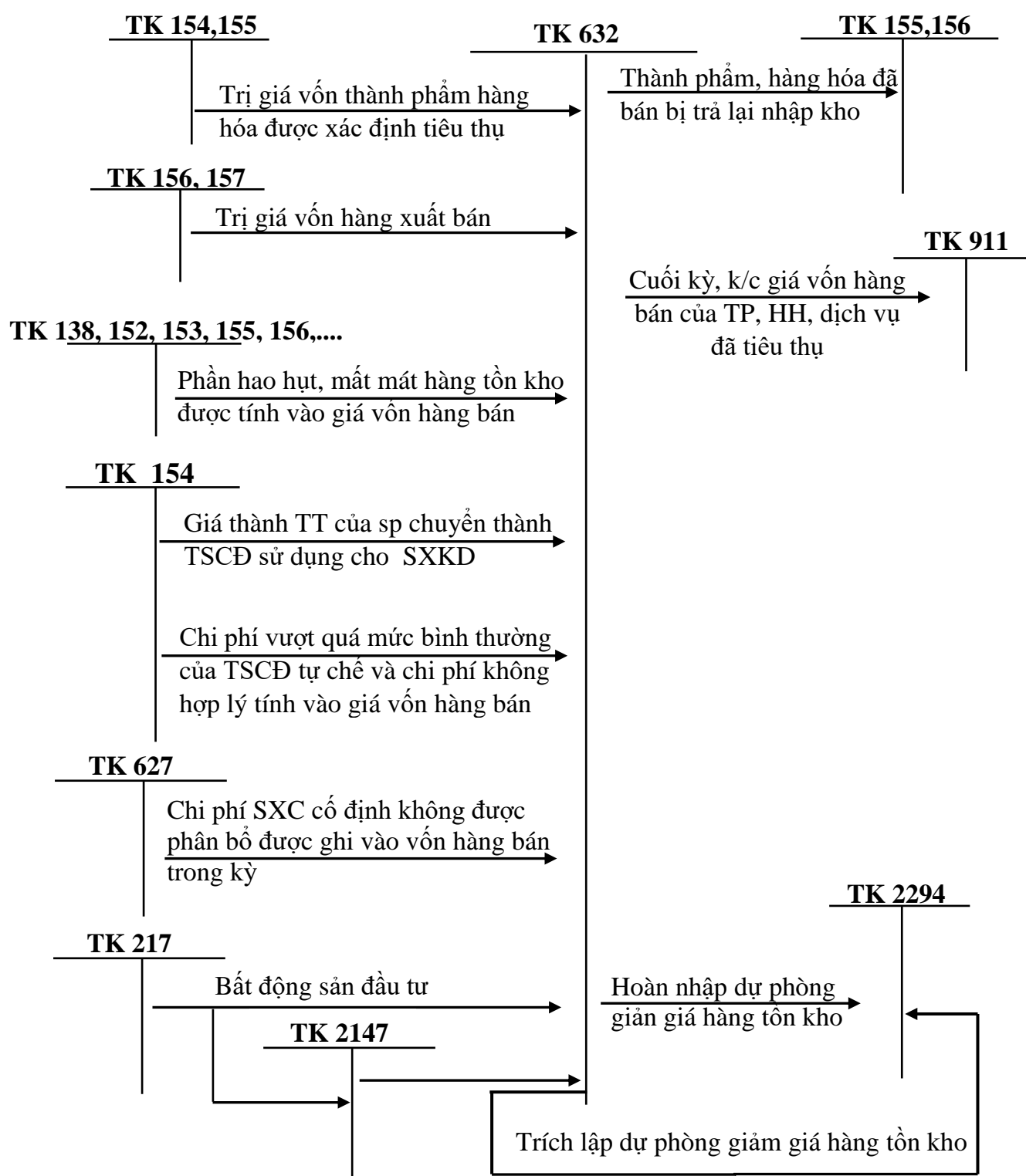
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ: Kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 631 “giá thành sản xuất”. Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ

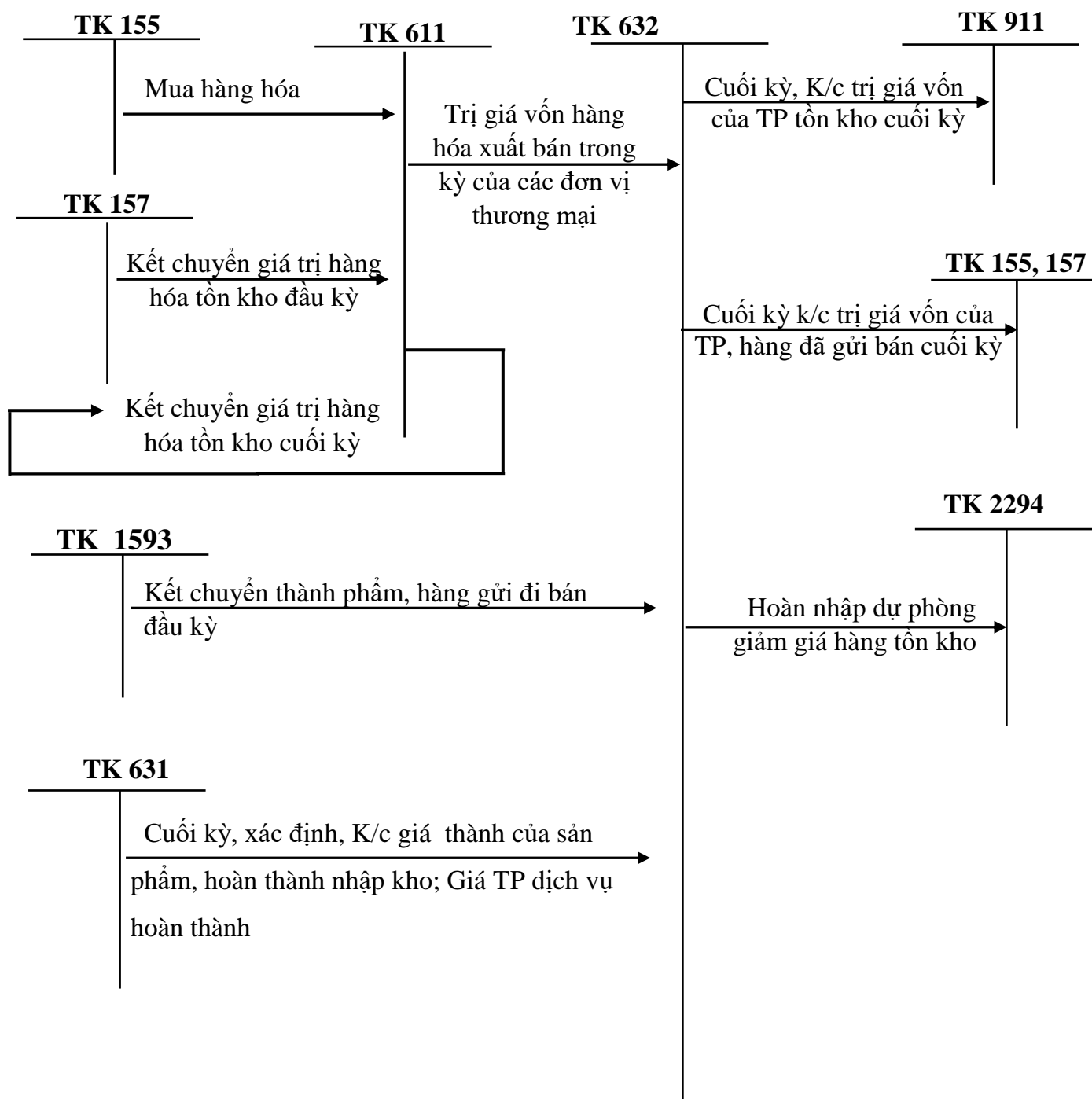
Nợ	631	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ; - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 641 – “Chi phí bán hàng”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Nợ	641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ		Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

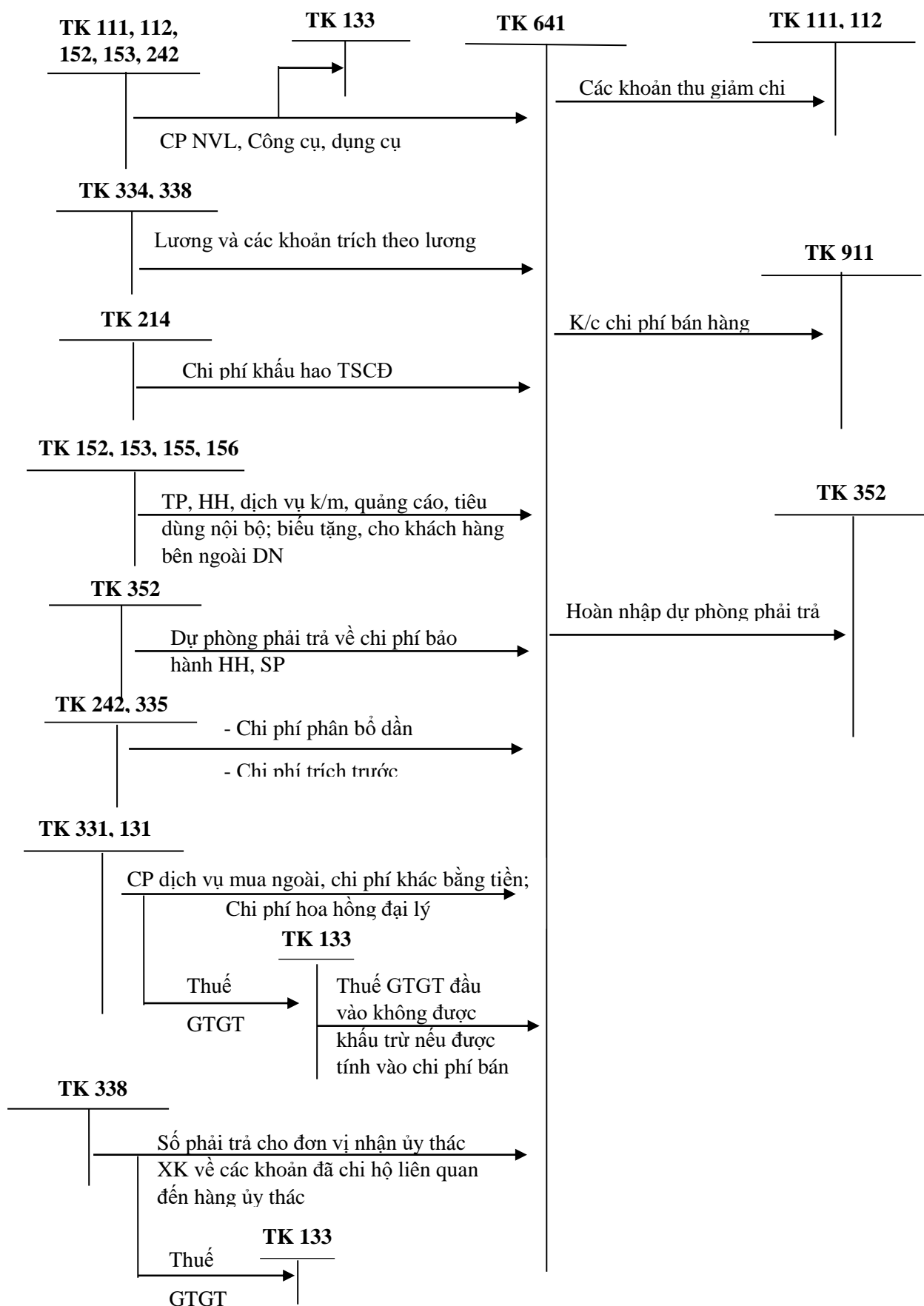
* **TK 642 – “Chi phí Quản lý doanh nghiệp”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Và có 8 tài khoản cấp 2:

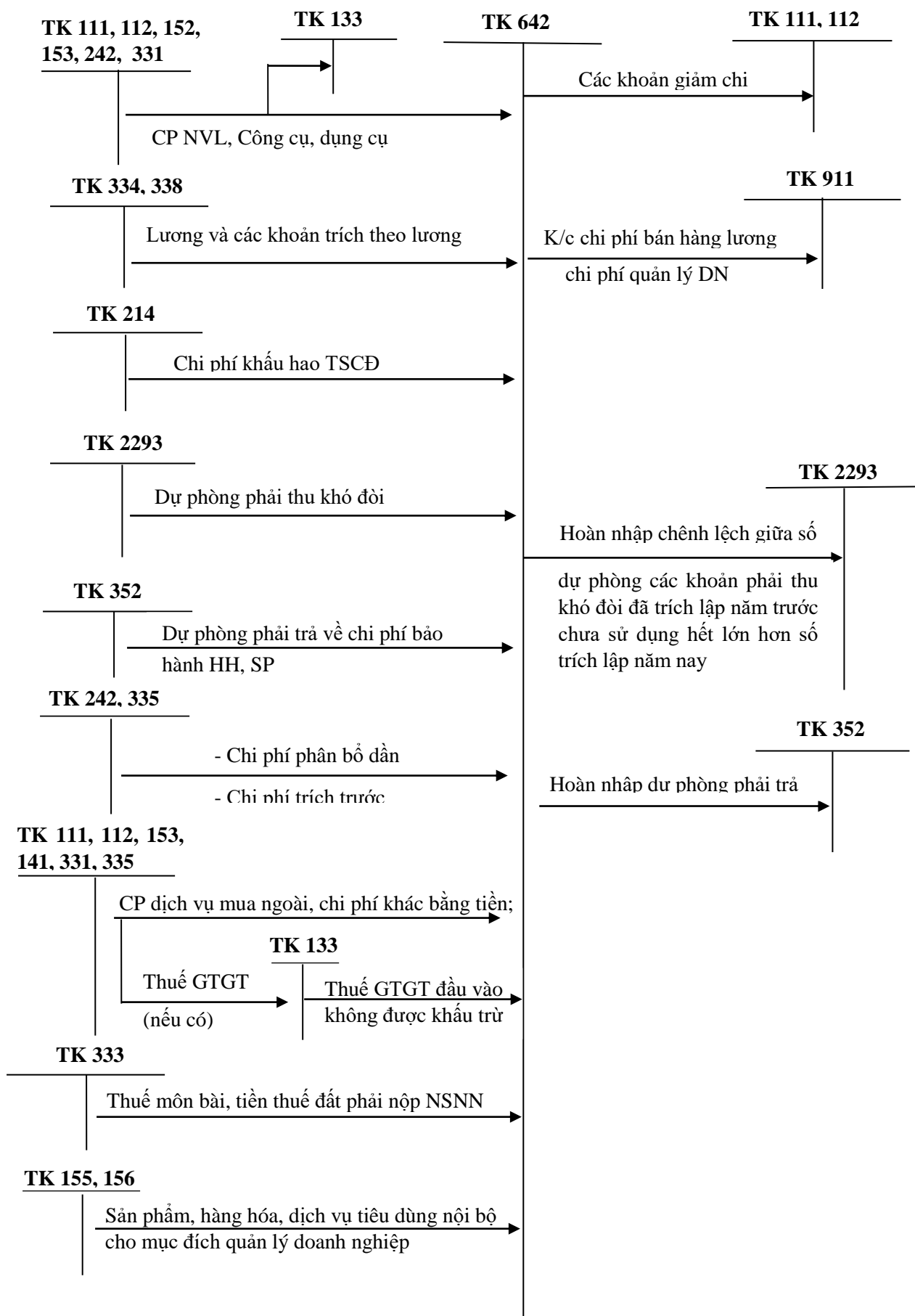
- TK 6421: Chi phí nhân viên.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Nợ	642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí bán hàng.

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Các hợp đồng vay.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết... - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **TK 635 - “Chi phí tài chính”:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí

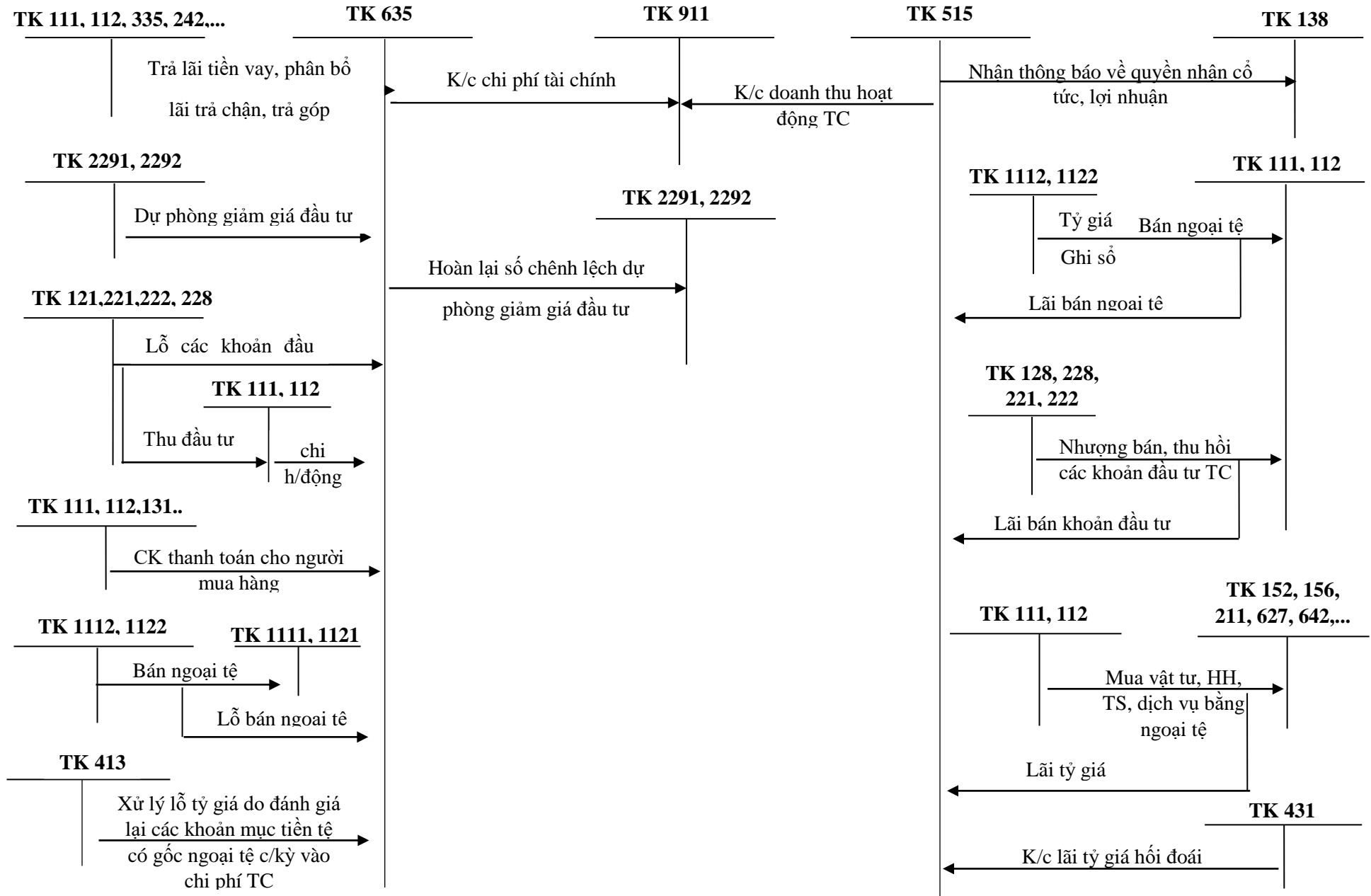
tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết..., dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện). - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.8.

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và Chi phí khác.**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, GBC của Ngân hàng...;
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 711 – “Thu nhập khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

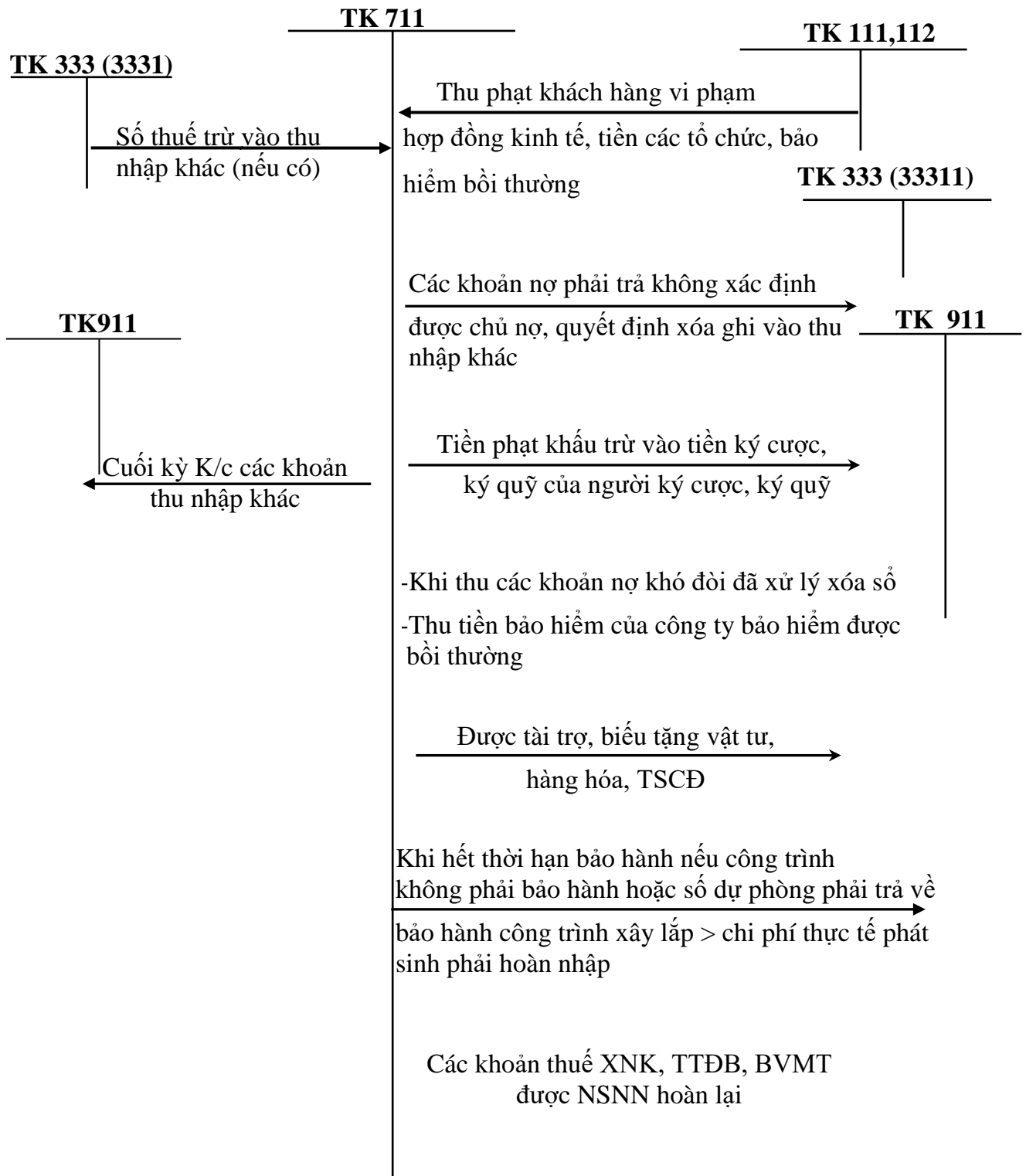
Nợ	711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

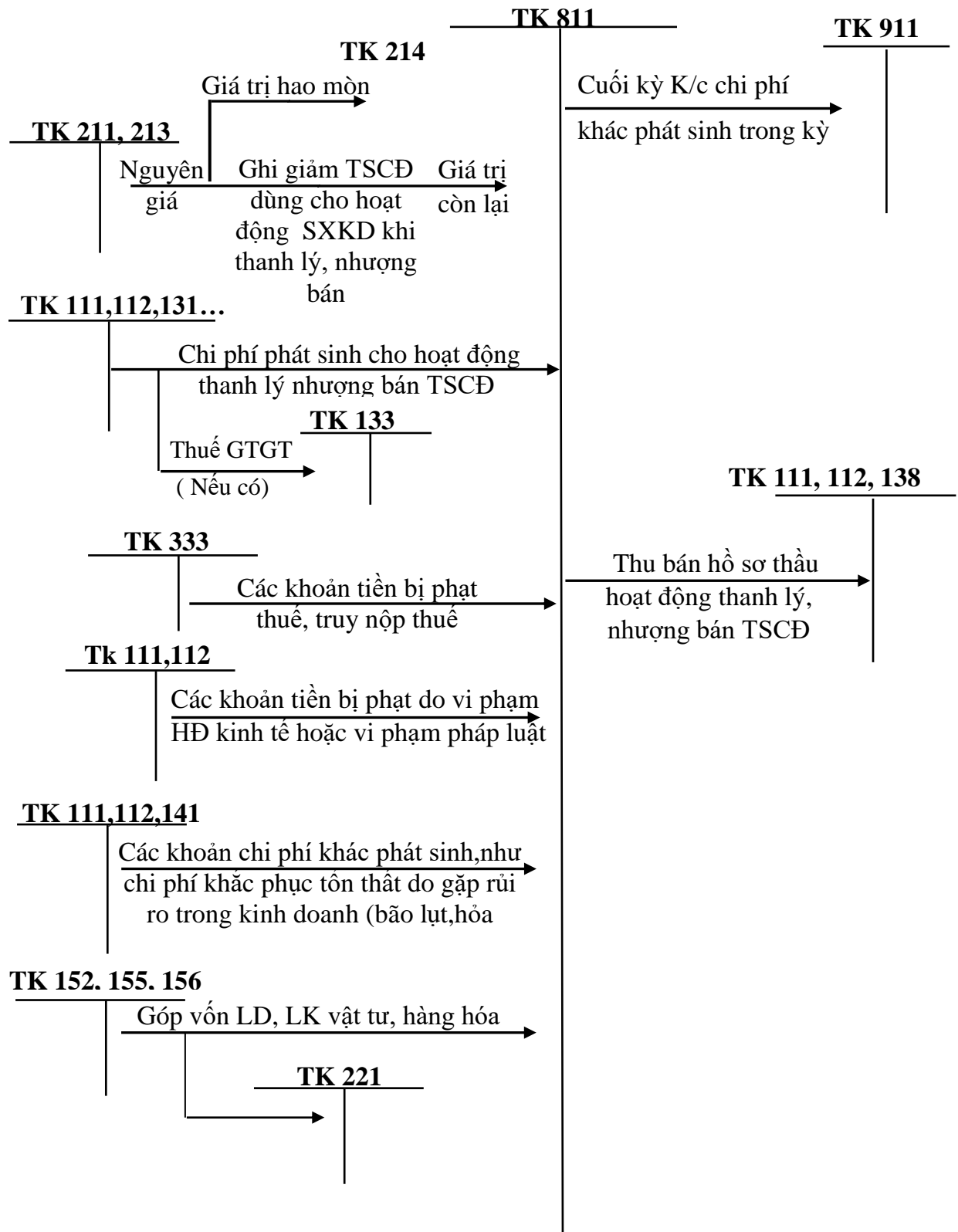
* **TK 811 - “Chi phí khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nợ	811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập từ hoạt động khác và chi phí từ hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.9 và 1.10

Sơ đồ 1.9. Kế toán thu nhập khác

Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.2.6.1: Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.

1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:

* **TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”**: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Nợ	911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **TK 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- TK 8212: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nợ	821	Có
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại		Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN trong năm; - Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **Tài khoản 421 - “Lợi nhuận chưa phân phối”**: Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của DN.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

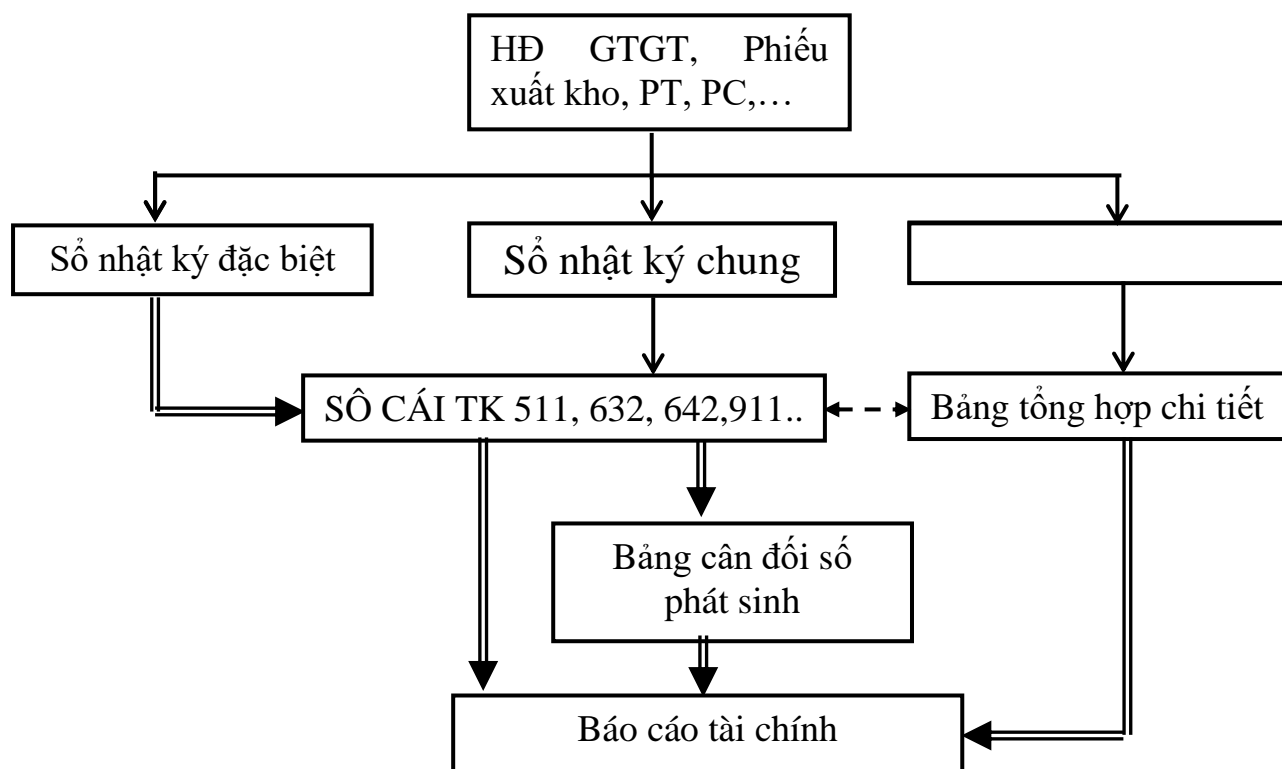
- Nhật ký chung;
- Nhật ký chứng từ;
- Chứng từ ghi sổ;
- Nhật ký sổ cái;
- Kế toán máy.

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái.

Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: =========>

Kiểm tra, đối chiếu: <----->

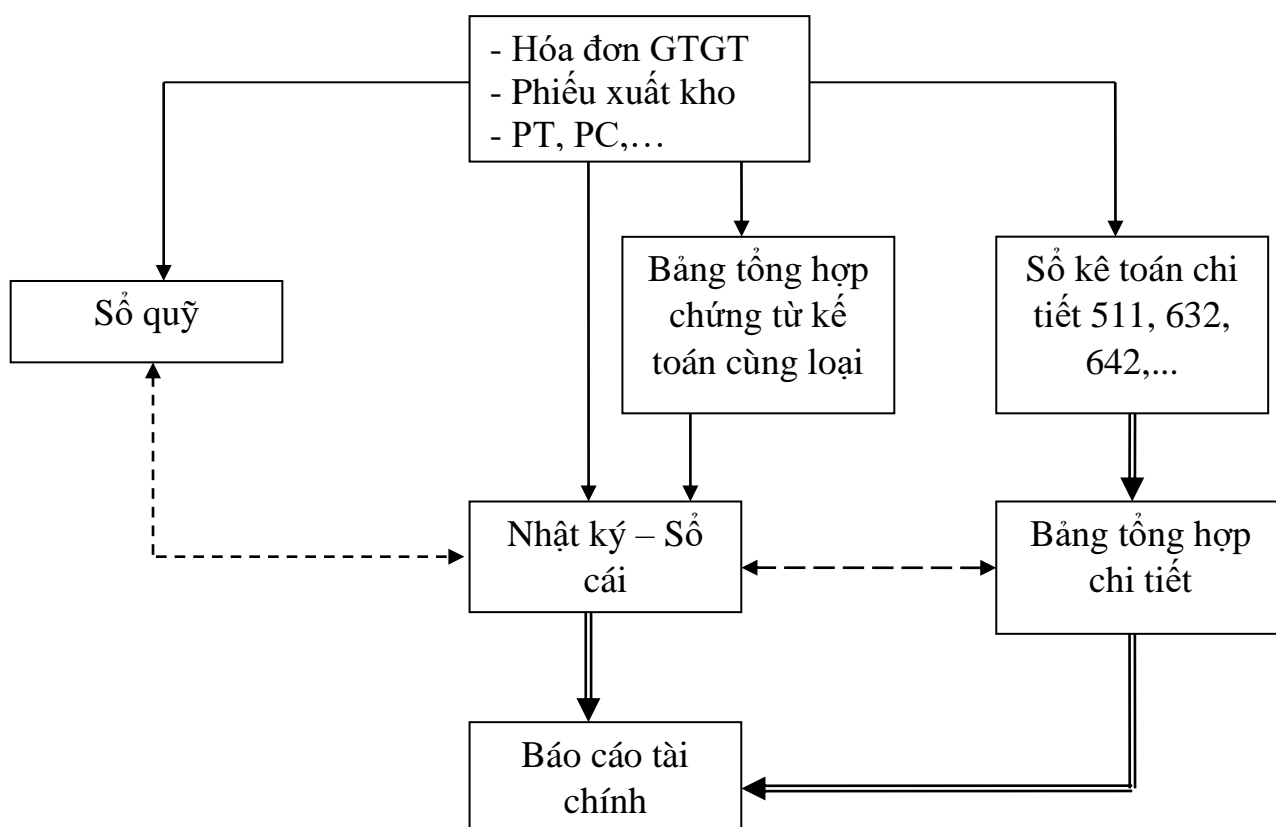
Hàng ngày tập hợp các chứng từ kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, Sổ, thẻ kế toán chi tiết. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu số liệu khớp với Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

1.3.2: Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: ==>

Kiểm tra, đối chiếu: ←- ->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ để ghi vào sổ

Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên trên Nhật ký – Sổ cái.

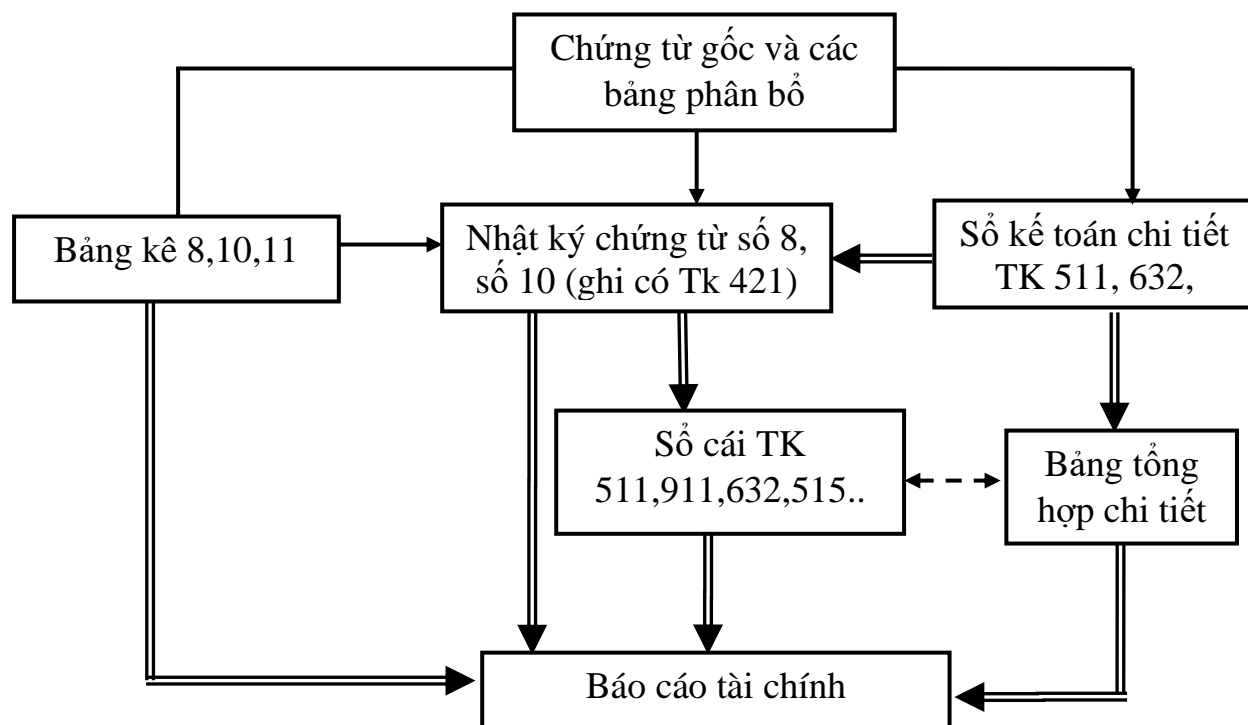
Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu và dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.3. Hình thức nhật ký chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ;

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Sơ đồ 1.14. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ



- Ghi chú**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ← - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào Nhật ký chứng hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

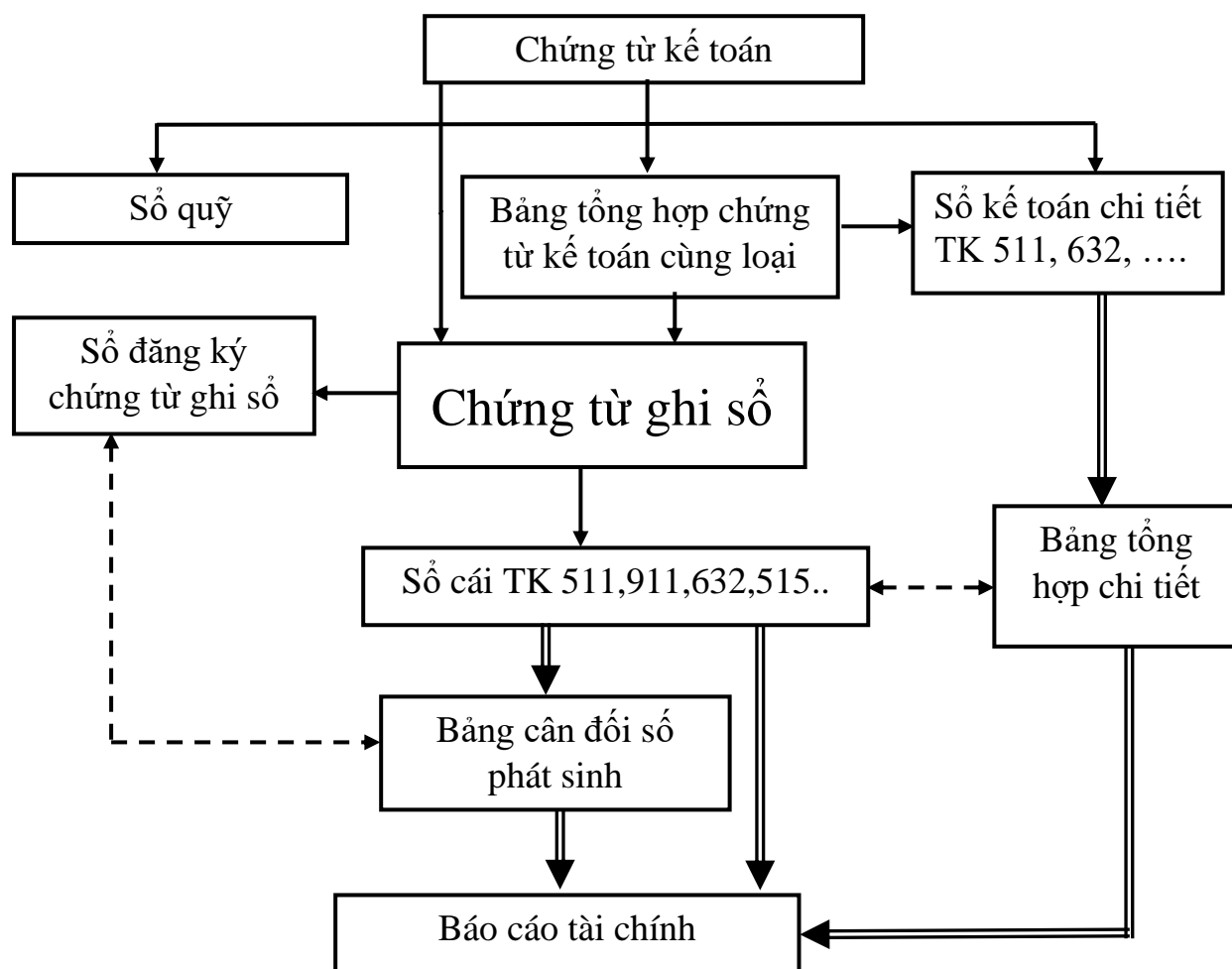
- Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên với Bảng tổng hợp chi tiết và lấy số liệu trên Nhật ký chứng từ ghi vào Sổ cái.

- Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê, Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.15. Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú

Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

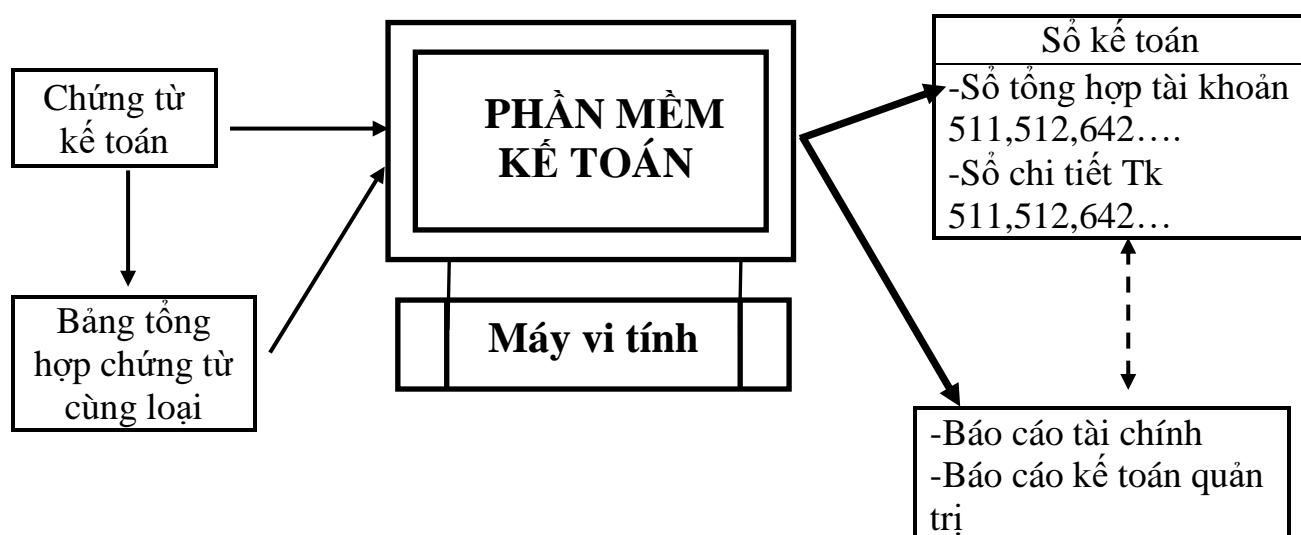
Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào đó để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số dư trên Sổ cái rồi căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

1.3.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên.

Sơ đồ 1.16. Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán;

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2.**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP KHO VẬN AB PLUS****2.1. Khái quát chung về Công ty CP Kho vận AB Plus.****2.1.1. Giới thiệu chung về công ty và đặc điểm sản xuất kinh doanh.**

CÔNG TY CP KHO VẬN AB PLUS được thành lập từ năm 1999, hoạt động chuyên ngành và có uy tín trong lĩnh vực kho vận, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Tên giao dịch : AB PLUS., JSC

Giám đốc : Nguyễn Thị Khánh

Đại diện PL : Bùi Văn Sáng

Địa chỉ : Đường K9, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200372301

Số điện thoại : (031) 3686.408/3737.617

Ngày cấp phép : 01/10/1999

AB Plus., JSC chính thức đi vào hoạt động ngày 20/12/2010, trải qua một quá trình kinh doanh và phát triển. Hiện nay đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ Kho tại Việt Nam. Với vốn điều lệ là 39 tỉ để đầu tư và hoàn thiện các chức năng vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn...(theo qui hoạch của thành phố).

Kinh doanh vận tải và kho hiện là thế mạnh của Công ty CP Kho vận AB Plus. Trải qua 17 năm hoạt động và phát triển, Công ty đã từng bước xây dựng được hệ thống khách hàng tiềm năng và luôn mở rộng thêm khách hàng mới. Nắm bắt được cơ hội phát triển của ngành vận tải Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Công ty đã không ngừng đầu tư thêm phương tiện, máy móc thiết bị hiện đại hơn, đảm bảo phục vụ khách hàng với chất lượng cao nhất.

Các dịch vụ của Công ty được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.

2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty CP Kho vận AB Plus.

* Những ngành nghề kinh doanh của công ty

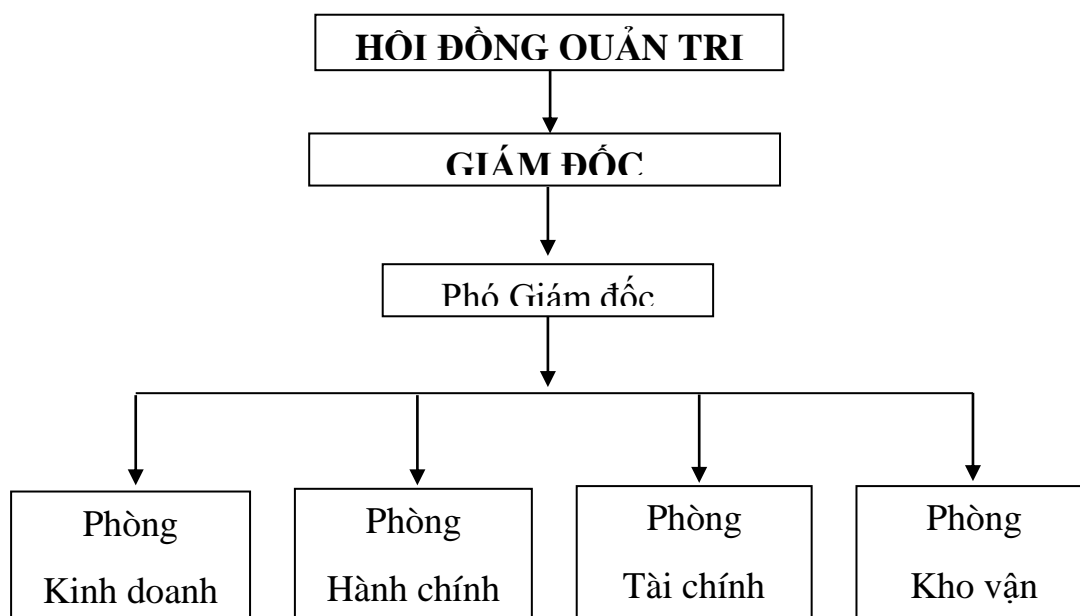
Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
<u>4933</u>	<u>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</u>	Y
<u>5012</u>	<u>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</u>	N
<u>5022</u>	<u>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</u>	N
<u>5210</u>	<u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u>	N
<u>5224</u>	<u>Bốc xếp hàng hóa</u>	N
<u>5229</u>	<u>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</u>	N
<u>68100</u>	<u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u>	N
<u>55101</u>	<u>Khách sạn</u>	N
<u>56101</u>	<u>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống</u>	N
<u>46310</u>	<u>Bán buôn gạo</u>	N
<u>46691</u>	<u>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</u>	N

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty CP kho vận AB Plus

Công ty có đội ngũ công nhân viên hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý đều có trình độ đại học và trên đại học. Nhân viên có kinh nghiệm thực tế, Ban giám đốc Công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý điều hành và nắm bắt thị trường.

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Đứng đầu là Hội đồng quản trị nắm mọi quyền quyết định của công ty. Giám đốc và phó giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Các phòng ban nhận lệnh từ một cấp trên, trợ giúp về mặt chuyên môn nghiệp vụ.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty CP Kho vận AB Plus



Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

Hội đồng quản trị: Có toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty. Có chức năng quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách tổng thể.

Giám đốc: là người quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về trách nhiệm quản lý, điều hành.

Phó giám đốc: Nhận sự ủy quyền của Giám đốc thực hiện các công việc phụ trách.

Các phòng ban: Mỗi phòng ban đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau tạo thành quy trình khép kín có hiệu quả.

+ *Phòng Tài chính kế toán:* Quản lý, kiểm tra hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Giúp Giám đốc về công tác thống kê, đảm bảo nguồn vốn, tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ số liệu, lưu trữ hồ sơ.

+ *Phòng Kinh doanh:* Tham mưu cho Giám đốc về công tác lập kế hoạch và lên phương án kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, nghiên cứu phát triển sản phẩm, thị trường, xây dựng các mối quan hệ khách hàng.

+ *Phòng Kho vận:* Quản lý và điều hành kho, bãi, tổ chức công tác quản lý hàng hóa

+ *Phòng Hành chính – Nhân sự:* Có chức năng tổ chức, quản lý nhân sự, giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của công ty và luật lao động. Tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong doanh nghiệp, soạn thảo, lưu trữ và phát hành văn bản con dấu có tính chất pháp lý, đảm bảo công tác văn phòng phẩm cho toàn công ty...

2.1.4 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty CP kho vận AB Plus

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu	Đồng	26.050.716.972	29.352.034.464
Lợi nhuận	Đồng	13.401.694.693	15,008,777,780

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã được đầu tư nâng cấp cả về cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị máy móc kỹ thuật, công nghệ hiện đại, chuyên phục vụ công tác bán hàng và cung cấp dịch vụ,... Cùng với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình, Công ty đã có được sự tin tưởng và tín nhiệm từ phía khách hàng.

Ngày nay, trên nền tảng của những thành công đã đạt được trong những năm qua và năng lực hiện tại, Công ty khẳng định được vị thế của mình trong ngành dịch vụ kho vận tại Việt Nam. Các sản phẩm dịch vụ của Công ty đã có mặt trên thị trường toàn miền Bắc với thị phần ngày càng mở rộng và là đối tác tin cậy của tất cả các bạn hàng.

Với chiến lược “Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ xuất nhập khẩu, kho vận chuyên nghiệp, nghiên cứu và tiếp cận thị trường quốc tế”, Công ty đã và đang tiếp tục tăng năng lực và mở rộng tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước. ”Dem lại cho khách hàng một phương án tài chính tối ưu với chất lượng dịch vụ cao nhất” đã và đang là phương châm hành động tạo nên sức mạnh cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

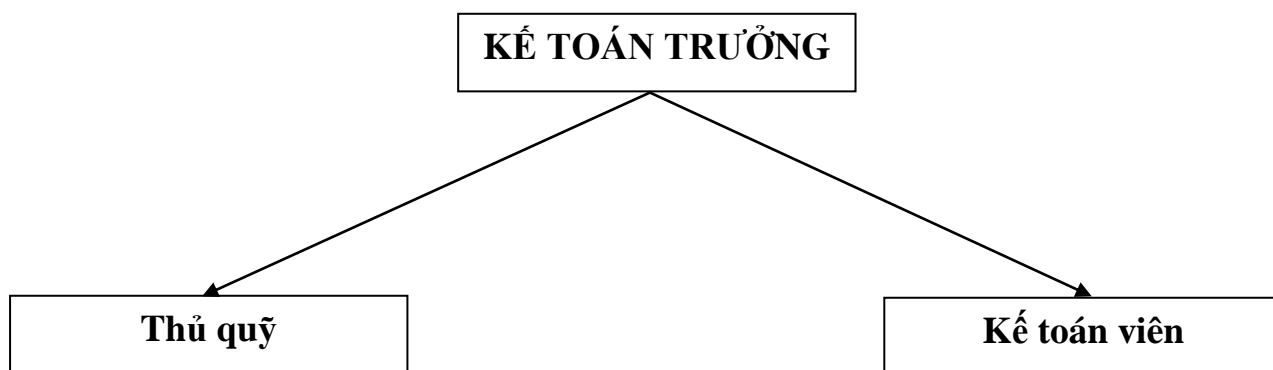
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty CP Kho vận AB Plus.

2.1.5.1 Bộ máy kế toán tại Công ty

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về phòng Tài chính - Kế toán.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty CP Kho vận AB Plus



Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: các khoản công nợ phải thu phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán viên: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, nguyên vật liệu, hàng hóa, tiền mặt để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hóa về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

Thủ quỹ: Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng
- + Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Qui đổi thống nhất về Việt Nam đồng
- + Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ
- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ
- + Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá
- + Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo đường thẳng
- Kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Chế độ đối với HTK
- + Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá trị thực tế
- + Phương pháp tính giá xuất kho là: Thực tế đích danh
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

2.1.5.3 Hình thức sổ sách kế toán

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật ký chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

- **Đặc trưng của hình thức kế toán NKC:**

- **Các loại sổ sách sử dụng:**

+ Sổ nhật ký chung

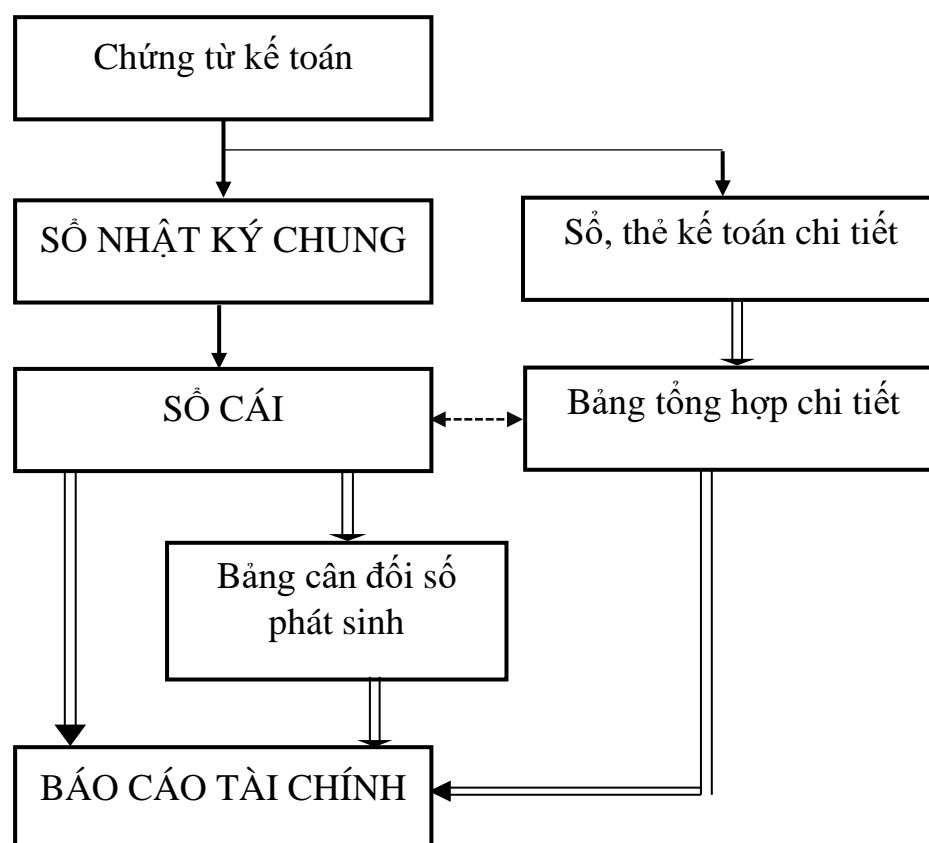
+ Sổ chi tiết TK

+ Sổ cái các TK

+ Bảng tổng hợp chi tiết TK

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo *sơ đồ 2.3*

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

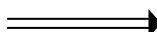


Ghi chú:

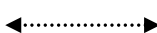
- Ghi hàng ngày



- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



- Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Kho vận AB Plus.

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty: Là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, công ty có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131...

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng**

- Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

+ TK 511: Doanh thu cung cấp dịch vụ

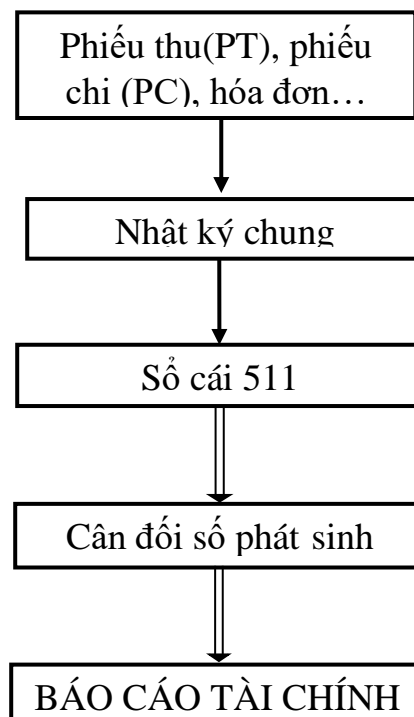
- + TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- + TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- + TK 131: Phải thu của khách hàng
- Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- + Hóa đơn GTGT, phiếu thu...
- + Giấy báo có của ngân hàng
- + Chứng từ khác có liên quan (nếu có).
- Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

*** Trình tự hạch toán**

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:
- + Liên 1: Màu tím, lưu tại công gốc để tại phòng kế toán.
- + Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.
- + Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.
- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:
- + Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.
- + Liên 2: Giao cho khách hàng.

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty CP Kho vận AB Plus

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,511,333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000537 ngày 14/03/2016 về việc vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản

Nợ TK131 : 100.980.000

Có TK511 : 91.800.000

Có TK 3331 : 9.180.000

VD2: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000539 ngày 15/03/2016 về việc vận chuyển thép cho công ty TNHH Đóng tàu Hải Long và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản

Nợ TK131 : 215.600.000

Có TK511 : 196.000.000

Có TK 3331 : 19.600.000

Biểu 2.1. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 14 tháng 03 năm 2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AB/16B Số: 000537	
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Kho Vận AB Plus					
MST: 0200372301					
Địa chỉ: Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng					
Điện thoại:			Fax:		
Số TK:			Tại:		
Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp					
MST: 2300239628					
Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Tiền Dư – Bắc Ninh					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển + Giao nhận lô thép từ HP đến Bắc Ninh	Tấn	600	153.000	91.800.000
Cộng tiền hàng:					91.800.000
Thuế suất: 10%			Thuế GTGT:		9.180.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					100.980.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm triệu, chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.2. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AB/16B Số: 000539	
Liên 3: Lưu nội bộ					
Ngày 15 tháng 03 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Kho Vận AB Plus					
MST: 0200372301					
Địa chỉ: Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng					
Điện thoại:			Fax:		
Số TK:			Tại:		
Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty TNHH Đóng tàu Hải Long					
MST: 0200109519					
Địa chỉ: Số 3, đường Phan Đình Phùng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển thép				196.600.000
Cộng tiền hàng:					196.600.000
Thuế suất: 10%			Thuế GTGT:		19.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					215.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết TK131

Biểu 2.3. Nhật ký chung

Ngày tháng ghi sổ			Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng	Nợ		Có	Nợ	Có	
....			
HĐ 000493	27/02	V/C thép cho Cty 19/8	131	511	64.350.000		
				511		58.500.000	
				333		5.850.000	
HĐ 000494	28/02	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	131		92.950.000		
				511		84.500.000	
				333		8.450.000	
HĐ 000537	14/03	V/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	131		100.980.000		
				511		91.800.000	
				333		9.180.000	
....		
HĐ 000539	15/03	V/c thép của cty Hải Long	131		215.600.000		
				511		196.000.000	
				333		19.600.000	
....			
		Cộng chuyển sang trang					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511, sổ cái TK131

Biểu 2.4. Sổ cái 511**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số S03b - DN**

Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	
	HD 000493	27/02	Tiền v/c thép cho công ty 19/8			131		58.500.000
	HD 000494	28/02	Tiền v/c thép cho công ty Hàn – Việt			131		84.500.000
	
	HD 000537	14/03	Tiền v/c thép cho công ty Việt - Pháp			131		91.800.000
	
	HD 000539	15/03	Tiền v/c thép cho công ty Hải Long			131		196.000.000
	
			Cộng số phát sinh					
			SDCK					

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

* Tài khoản sử dụng:

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Và các tài khoản có liên quan khác: 621,622,627

* Quy trình hạch toán

Giá thành sản phẩm của Công ty được tập hợp từ các chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp TK 621
- Chi phí nhân công trực tiếp TK 622
- Chi phí sản xuất chung TK 627

Cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ.

VD1: Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng tính phân bổ khấu hao, bảng lương, phiếu xuất, hóa đơn GTGT. Công ty tập hợp các chi phí phát sinh vào phiếu kế toán và thực hiện bút toán kết chuyển

Công ty có các chi phí phát sinh được tập hợp như sau

- CPNVLTT: 1.502.502.410
- CPNCTT: 503.720.600
- CPSXC: 1.018.770.658

Từ PKT kế toán vào sổ nhật ký chung

Biểu 2.7. Nhật ký chung**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số S03a - DN**

Theo TT: 200/2014/TT-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX35	01/03	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	6272		7.936.364	
					152		7.936.364
	HĐ 0000548	01/03	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	PKT57	31/03	K/C chi phí NVLTT quý I	154		1.502.509.410	
					621		1.502.509.410
	PKT57	31/03	K/C chi phí NCTT quý I	154		503.720.200	
					622		503.720.200
	PKT57	31/03	K/C chi phí SXC quý I	154		1.018.770.658	
					627		1.018.770.658
	PKT58	31/03	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		3.025.000.268	
					154		3.025.000.268
	PKT64	31/03	K/C giá vốn dịch vụ quý I	911		3.025.000.268	
					632		3.025.000.268
			Cộng chuyển sang trang				

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK154, sổ cái TK632

Biểu 2.8. Sổ cái 154**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số S03b - DN**
Theo TT: 200/2014/TT-BTC**SỔ CÁI**

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PKT5 7	31/03	K/C chi phí NVLTT quý I			621	1.502.509.410	
	PKT5 7	31/03	K/C chi phí NCTT quý I			622	503.720.200	
	PKT5 7	31/03	K/C chi phí SXC quý I			627	1.018.770.658	
	PKT5 8	31/03	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn			632		3.025.000.268
			Cộng số phát sinh				3.025.000.268	3.025.000.268
			SDCK					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9. Sổ cái 632

Công ty CP Kho vận AB Plus
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PKT5 8	31/03	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn			154	3.025.000.268	
	PKT5 9	31/03	K/C giá vốn dịch vụ quý I			911		3.025.000.268
			Cộng số phát sinh				3.025.000.268	3.025.000.268
			SDCK					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Tại Công ty CP Kho vận AB Plus không sử dụng tài khoản chi phí bán hàng.

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

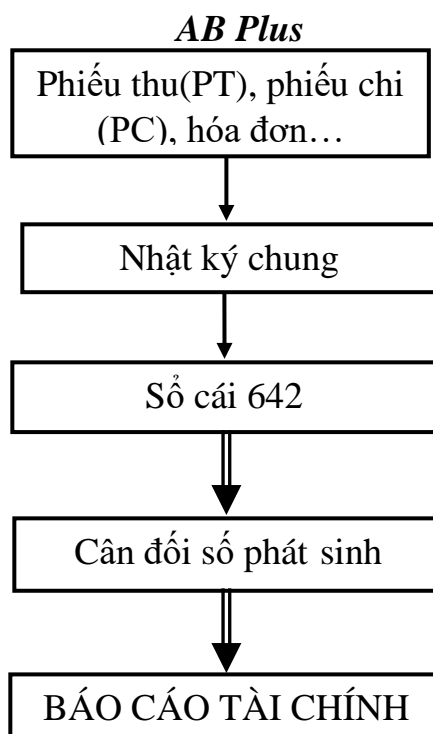
Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

* Tài khoản sử dụng

- TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

* Quy trình hạch toán: Sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí QLDN tại Công ty CP Kho vận



VD1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0654812 và PC ngày 10/03/2016 về việc thanh toán tiền điện thoại tháng 02. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Biểu 2. 10. Hóa đơn dịch vụ viễn thông

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu: AC/2016T
Số: 0654812

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): **Công ty CP Kho vận AB Plus**

Mã số: 0200372301

Địa chỉ (address): **Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng**

Số điện thoại (tel):

Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 03/2016	
a, Cước dịch vụ viễn thông	1.050.000
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
Cộng tiền hàng:	1.050.000
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:	105.000
Tổng cộng tiền thanh toán:	1.155.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng.	

Ngày 07 tháng 03 năm 2016

Người nộp tiền

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao

dịch

(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2. 11. Phiếu chi**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số 02 - TT**

Theo TT số 200/2014/TT-BTC

PHIẾU CHI

(Tiền mặt)

Ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: PC30**Nợ TK: 642; 1331****Có TK: 111**

Họ và tên người nhận: Nguyễn Phương Thảo

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 02/2016

Số tiền: 1.155.000

Bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng.

Ngày 10 tháng 03 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị*(Ký, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký)***Người lập phiếu***(Ký)***Người nhận***(Ký)***Thủ quỹ***(Ký)*

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung

Biểu 2. 12. Nhật ký chung

Công ty CP Kho vận AB Plus

Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX35	01/03	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	6272		7.936.364	
					152		7.936.364
	HĐ 0000548	01/03	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	PC30	10/03	Trả cước điện thoại tháng 02	642		1.050.000	
				133		105.000	
					111		1.155.000
			
	PKT57	31/03	K/C chi phí SXC quý I	154		1.018.770.658	
					627		1.018.770.658
	PKT58	31/03	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		3.025.000.268	
					154		3.025.000.268
	PKT64	31/03	K/C giá vốn dịch vụ quý I	911		3.025.000.268	
					632		3.025.000.268
			Cộng chuyển sang trang				

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642

Biểu 2. 13. Sổ cái 642**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****SỔ CÁI**

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	
	PC26	06/03	Trả tiền điện tháng 02			111	1.980.000	
	PC30	10/03	Trả cước điện thoại tháng 02			111	1.050.000	
			
	PKT60	31/03	Tính lương cho bộ phận quản lý			334	35.708.420	
	PKT61	31/03	K/C chi phí quản lý quý I			911		152.216.326
			Cộng số phát sinh				152.216.326	152.216.326
			SDCK					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty CP Kho vận AB Plus chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi đầu tư góp vốn bên ngoài.

* Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

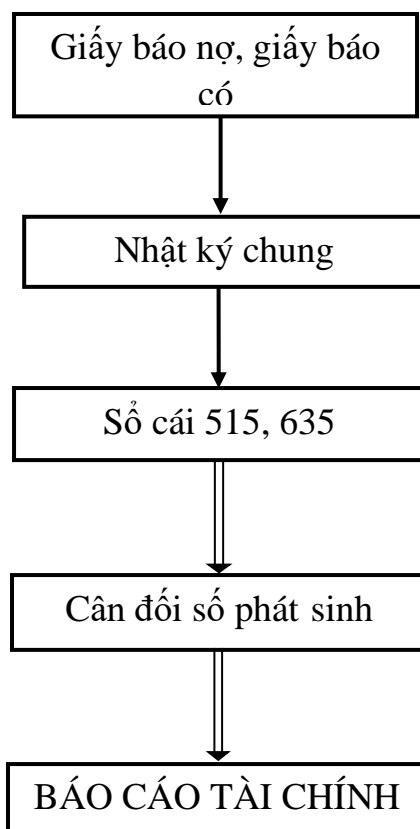
Chi phí hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là khoản lãi vay phải trả

*Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Các tài khoản có liên quan khác

* Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.



VD1: Căn cứ vào giấy báo có số 125 ngày 31/03/2016 ngân hàng Viettin về việc nhận lãi tiền gửi.

Biểu 2. 14. Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG



GIẤY BÁO CÓ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Kính gửi : CT CP KHO VAN AB PLUS
Địa chỉ : DUONG K9, PHUONG DONG HAI,
QUAN HAI AN, HAI PHONG
Mã số thuế: 0200372301
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :211375919
Loại tiền : VND
Loại tài khoản:
Giao dịch: 125

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	852.600,00
Tổng số tiền	852.600,00

Số tiền bằng chữ: Tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm đồng chẵn

Trích yếu: Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 03.../..2016


Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

VD2: Căn cứ vào giấy báo nợ số 111 ngày 28/03/2016 ngân hàng Vietin về việc trả lãi tiền vay.

Biểu 2. 15. Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG		
<p>GIẤY BÁO NỢ (Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ) Ngày 28 tháng 03 năm 2016</p>		
Kính gửi : CT CP KHO VAN AB PLUS	Số tài khoản :	
Địa chỉ : DUONG K9, PHUONG DONG HAI, QUAN HAI AN, HAI PHONG	Loại tiền : VND	
Mã số thuế: 0200372301	Loại tài khoản:	
Số ID khách hàng: 20016596	Giao dịch: 111	
Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:		
Nội dung	Số tiền	
Chuyển khoản thu nợ	203.889.508	
Tổng số tiền	203.889.508	
Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn năm trăm linh tám nghìn đồng		
Trích yếu: CHUYEN KHOAN THU NO-CT CP KHO VAN AB PLUS		
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng

Từ chúng tôi trên kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh và ghi vào nhật ký chung.

Biểu 2. 16. Nhật ký chung

Công ty CP Kho vận AB Plus

Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN

Theo TT: 200/2014/TT-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX35	01/03	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	6272		7.936.364	
					152		7.936.364
	HĐ 000548	01/03	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	GBN 111	23/03	Trả lãi tiền vay Ngân hàng Viettin 03/2016	635		203.889.508	
					112		203.889.508
	PC	24/03	Trả phí dịch vụ chuyển phát nhanh	642			30.000
					111		30.000
			
	GBC 125	31/03	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin 03/2016	112		852.600	
					515		852.600
	PKT61	31/03	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý I	515		203.070.947	
					911		203.070.947
	PKT62	31/03	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý I	911		611.668.524	
					635		611.668.524
			Cộng chuyển sang trang				

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515, 635

Biểu 2. 17. Sổ cái 515**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số S03b - DN**

Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	
	GBC 125	31/03	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin 03/2016			112		852.600
	PKT 61	31/03	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý I			911	203.070.947	
			Cộng số phát sinh				230.070.947	203.070.947
			SDCK					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2. 18. Sổ cái 635

Công ty CP Kho vận AB Plus
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
 Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SĐĐK					
	GBN 23	23/01	Trả lãi tiền vay Ngân hàng Viettin 01/2016			112	203.889.508	
	GBN 57	23/02	Trả lãi tiền vay Ngân hàng Viettin 02/2016			112	203.889.508	
	GBN 111	23/03	Trả lãi tiền vay Ngân hàng Viettin 03/2016			112	203.889.508	
	PKT 62	31/03	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý I			911		611.668.524
			Cộng số phát sinh				611.668.524	611.668.524
			SDCK					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh

Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh Quý I tại Công ty CP Kho vận AB Plus bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính

*** Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{KQKD} = \text{DTT} - \text{CP} + \text{KQTC} + \text{KQHĐ khác}$$

VD: Cuối tháng 3 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý I. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán.

Biểu 2. 19. Phiếu kế toán số 63

Công ty CP Kho vận AB Plus Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN 31/03/2016 Số 63				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	7.338.008.616
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	203.070.947
3	Thu nhập khác	711	911	-
	Cộng			7.541.079.563
Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2. 20. Phiếu kế toán số 64**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

31/03/2016

Số 64

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	3.025.000.268
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	152.216.326
4	Chi phí tài chính	911	635	611.668.524
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	750.438.889
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	3.001.755.556
	Cộng			7.541.079.563

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2. 21. Nhật ký chung**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****Mẫu số S03a - DN**

Theo TT: 200/2014/TT-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PKT63	31/03	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ QI	511		7.338.008.616	
					911		7.338.008.616
	PKT63	31/03	K/c Doanh thu hoạt động tài chính QI	515		203.070.947	
					911		203.070.947
	PKT64	31/03	K/c Giá vốn hàng bán QI	911		3.025.000.268	
					632		3.025.000.268
	PKT64	31/03	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp QI	911		152.216.326	
					642		152.216.326
	PKT64	31/03	K/c Chi phí tài chính QI	911		611.668.524	
					635		611.668.524
	PKT64	31/03	K/c Chi phí thuế TNDN QI	911		750.438.889	
					821		750.438.889
	PKT64	31/03	Lợi nhuận sau thuế QI	911		3.001.755.556	
					421		3.001.755.556
	PKT 65	31/03	K/c thuế TNDN	821		750.438.889	
					3334		750.438.889
			Cộng chuyển sang trang				

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2. 22. Sổ cái 821

Công ty CP Kho vận AB Plus
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
 Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016
 Loại TK: Chi phí thuế TNDN hiện hành
 Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PTK 64	31/03	Thuế TNDN hiện hành			3334		750.438.889
	PKT 65	31/03	K/c thuế TNDN			911	750.438.889	
			Cộng số phát sinh				750.438.889	750.438.889
			SDCK					
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày tháng năm Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu 2. 23. Sổ cái 911

Công ty CP Kho vận AB Plus
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
 Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			SĐĐK					
	PKT 63	31/03	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ QI			511		7.338.008.616
	PKT 63	31/03	K/c Doanh thu hoạt động tài chính QI			515		203.070.947
	PKT 64	31/03	K/c Giá vốn hàng bán QI			632	3.025.000.268	
	PKT 64	31/03	K/c Chi phí quản lí doanh nghiệp QI			642	152.216.326	
	PKT 64	31/03	K/c Chi phí hoạt động tài chính QI			635	611.668.524	
	PKT 64	31/03	K/c Thuế TNDN hiện hành QI			821	750.438.889	
	PKT 64	31/03	Lợi nhuận sau thuế TNDN			421	3.001.755.556	
			Cộng số phát sinh				7.541.079.563	7.541.079.563
			SDCK					

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2. 24. Sổ cái 421

Công ty CP Kho vận AB Plus
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
 Theo TT: 200/2014/TT-BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Loại TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PTK 64	31/03	Lợi nhuận sau thuế TNDN QI			911		3.001.755.556
			Cộng số phát sinh					3.001.755.556
			SDCK					<u>3.001.755.556</u>

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CP KHO VẬN AB PLUS****3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**

Trong quá trình thực tập tại phòng kế toán của Công ty CP Kho vận AB Plus, em đã được tìm hiểu, tiếp xúc thực tế với công tác quản lý nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty nói riêng. Cùng với sự đổi mới sâu sắc về cơ chế quản lý kinh tế, các doanh nghiệp chuyên đổi từng bước hòa nhập vào nền kinh tế thị trường với sự quản lý của nhà nước. Hạch toán kế toán là bộ phận cấu thành quan trọng của doanh nghiệp. Trong cơ chế kinh tế mới, nó đòi hỏi bức thiết phải xây dựng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đó là vấn đề cơ bản nhất hiện nay vì nó là nền tảng của toàn bộ tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nói chung và của Công ty CP Kho vận AB Plus nói riêng.

3.1.1. Ưu điểm**- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

+ Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

+ Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban

giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Về việc vận dụng hệ thống tài khoản:** Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở công ty phù hợp với hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

- **Về hệ thống sổ sách kế toán:** Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

- **Về hệ thống chứng từ:** Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định.

- **Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:**

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý doanh nghiệp luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

- **Về phương pháp ghi chép sổ sách:**

Dù đã trang bị hệ thống máy vi tính tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán (Misa, vacom,...) mà vẫn chỉ thực hiện thủ công trên Excel nên dễ dẫn việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót,...

- Về hệ thống sổ sách:

Kế toán công ty không mở sổ theo dõi chi tiết cho từng khách hàng nên cuối kỳ công tác theo dõi công nợ gặp khó khăn.

- Về việc luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển các chứng từ tài chính tại công ty chưa quy định rõ ràng, chưa kịp thời, nhanh gọn. Nên việc mất mát, thất lạc chứng từ không rõ nguyên nhân và trách nhiệm vẫn còn xảy ra.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, cơ quan thuế ... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng vì :

- Công tác này sẽ giúp cho khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.

- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus.

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus như sau:

*** Ý kiến 1: Hiện đại hóa công tác kế toán.**

Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán để công ty lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, SMART, VACOM,... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, giúp phòng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học và đạt hiệu quả cao.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính để phục vụ công việc kế toán. Đây là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán trong công ty.

- *Phần mềm Kế toán SMART*: Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất, Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán, Bảng Cân Đối Phát Sinh.... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.



- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 9.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT,...



- Phần mềm MISA SME.NET 2012

Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet.



Công ty nên chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì giá thành hợp lý, tính năng cao, giao diện dễ sử dụng và nó đầy đủ các phần hành kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập và xử lý số liệu kế toán.

*** Ý kiến 2: Mở sổ chi tiết theo dõi công nợ .**

Để theo dõi công nợ của từng khách hàng một cách tốt nhất thì kế toán công ty nên mở sổ chi tiết - tài khoản 131 theo từng đầu mục khách hàng.

TK 131 - Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt – Pháp

TK131 - Công ty TNHH Đóng Tàu Hải Long

Cuối kỳ kế toán đối chiếu công nợ của từng khách hàng theo sổ chi tiết và làm bảng tổng hợp công nợ của khách hàng

VD: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000537 ngày 14/03/2016 về việc vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản và lập sổ chi tiết 131

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000539 ngày 15/03/2016 về việc vận chuyển thép cho công ty TNHH Đóng tàu Hải Long và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản và lập sổ chi tiết 131

Biểu 3. 1. Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

Công ty CP Kho vận AB Plus

Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Tên khách hàng: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt – Pháp

TK 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK				<u>478.680.515</u>	
	HĐ 000463	4/01	Phí vận chuyển thép	511	56.500.000		535.180.515	
				3331	5.650.000		540.830.515	
	HĐ 000537	14/03	Phí vận chuyển thép	511	91.800.000		632.630.515	
				3331	9.180.000		641.810.515	
	BC 181	21/03	Thanh toán tiền v/c thép theo HĐ 000537	112		100.980.000	540.830.515	
	
			Cộng số phát sinh		725.600.000	747.530.515		
			SDCK				<u>456.750.000</u>	

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3. 2. Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)**Công ty CP Kho vận AB Plus****Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng****SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

Tên khách hàng: Công ty TNHH Đóng Tàu Hải Long

TK 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK				<u>645.972.120</u>	
	
	HD 000539	15/03	Thu phí v/c thép cho công ty Hải Long	511	196.000.000		718.200.000	
				3331	19.600.000		737.800.000	
	BC150	15/03	Công ty Hải Long thanh toán tiền v/c thép	112		215.000.000	522.800.000	
	
			Cộng số phát sinh		585.200.000	828.900.000		
			SDCK				<u>402.272.120</u>	

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng, từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu 3. 3. Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Công ty CP Kho vận AB Plus

Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/03/2016

TK 131

Stt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ phần Xây dựng VN	25.400.000		122.300.000	62.200.000	85.500.000	
2	Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp	478.680.515		725.600.000	747.530.515	456.750.000	
3	Công ty CP thương mại Bắc Hải	45.800.000		425.500.000	318.348.000	152.800.000	
4	Công ty TNHH Đóng tàu Hải Long	645.972.120		585.200.000	828.900.000	402.272.120	
	
	Cộng	4.451.164.819		2.395.008.516	3.192.724.276	3.653.449.059	

Ngày tháng năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Ý kiến 3: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

- Mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

Công ty CP Kho vận AB Plus					
Đường K9, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng					
PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ					
Stt	Ngày tháng	Nội dung	SH chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp với tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus, khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus” đã hoàn thành và khái quát được một số vấn đề sau:

* Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp; hệ thống các báo cáo tài chính; yêu cầu, nguyên tắc tính toán các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Về mặt thực tiễn: Đề tài đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Kho vận AB Plus. Trong đề tài em đã mạnh dạn trình bày một số kiến nghị của mình với hy vọng góp phần giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho hợp lý, đúng với chế độ kế toán, khắc phục được những hạn chế trong thời gian tới để công ty đạt được những thành tích lớn hơn nữa, tự khẳng định mình trên thị trường.

Do trình độ hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập không dài nên trong bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo - Thạc sỹ Đồng Thị Nga cùng các thầy cô giáo trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ tại phòng kế toán công ty CP Kho vận AB Plus đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!